TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40 /2020/QĐST-HNGĐ	*Yên Mô, ngày 23 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2020 /TLST - HNGĐ ngày 9 tháng 3 năm 2020 giữa:

*** Nguyên đơn**: Chị Trương Tiểu Y - sinh năm 1992

HKTT: Tổ 2/3, phường N, thành phố T, tỉnh Ninh Bình

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn H - sinh năm 1992

HKTT: Xóm C, xã Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Điều 212, 213, khoản 4- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trương Tiểu Y và anh Phạm Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu PhạmYến N, sinh ngày 22/11/2017 cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi cháu PhạmYến N đủ tuổi thành niên. Anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng). Kể từ tháng 7/2020 đến khi cháu PhạmYến N đủ tuổi thành niên.

Anh H có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu PhạmYến N được chung sống với chi Y. Anh H có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung. Chị Y và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Kể từ ngày chịY có đơn đề nghị thi hành án, nếu anh H không nộp số tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: chị Trương Tiểu Y và anh Phạm Văn H đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ tài sản gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn: Chị Trương Tiểu Y phải nộp toàn bộ án phí ly hôn, số tiền án phí chị Y phải nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Trương Tiểu Y phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền án phí chị Y phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số AA/2016/0002236 ngày 9/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND huyện Yên Mô;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Yên Mô;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường N;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa